

# BÀI TẬP NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

## THEO THÔNG TƯ 200 CÓ LỜI GIẢI

### Bài số 1:

Tại công ty sản xuất quà tặng doanh nghiệp Ý Tưởng Vàng có các số liệu liên quan đến sản xuất được kế toán ghi nhận như sau:

Số dư đầu kỳ của TK 154: 10.000.000đ. Trong kỳ, tại DN, có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Mua nguyên vật liệu nhập kho chưa trả tiền người bán, giá chưa có thuế GTGT 10% là 300.000.000đ. Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu về nhập kho đã bao gồm thuế GTGT 10% là 5.500.000đ.
2. Xuất kho NVL sử dụng cho bộ phận trực tiếp sản xuất là 150.000.000đ, bộ phận phục vụ sản xuất là 20.000.000đ, bộ phận bán hàng là 5.000.000đ, bộ phận quản lý DN là 3.000.000đ.
3. Tính lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 80.000.000đ, nhân viên quản lý phân xưởng là 10.000.000đ, bộ phận bán hàng là 20.000.000đ, bộ phận quản lý DN là 30.000.000đ.
4. Trích BHXH, BHYT, CPCĐ, BHTN theo tỷ lệ quy định.
5. Xuất kho công cụ dụng cụ sử dụng cho bộ phận sản xuất là 1.700.000đ, bộ phận quản lý DN là 2.000.000đ, bộ phận bán hàng là 3.000.000đ.
6. Nhận được hóa đơn tiền điện, tiền nước phát sinh ở bộ phận sản xuất là 5.000.000đ, bộ phận quản lý DN là 1.000.000đ, bộ phận bán hàng là 3.000.000đ, thanh toán hết bằng tiền mặt.
7. Trong kỳ bộ phận sản xuất hoàn thành nhập kho 10.000 sản phẩm A. Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ là 2.400.000đ.
8. Xuất kho 800 sản phẩm đi tiêu thụ trực tiếp, đơn giá bán 50.000đ/sản phẩm, thuế GTGT 10%, khách hàng chưa thanh toán.
9. Nhận được Giấy báo Có của ngân hàng do khách hàng thanh toán lô hàng ở nghiệp vụ 8.
10. Xuất kho 100 sản phẩm gửi đi bán, giá bán gồm 10% thuế GTGT là 61.500đ.

### Yêu cầu

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

## 1.2. Lời giải

1/ Mua nguyên vật liệu nhập kho chưa trả tiền người bán, giá chưa có thuế GTGT 10% là 300.000.000đ

Nợ TK 152: 300.000.000

Nợ TK 1331: 30.000.000

Có TK 331: 330.000.000

Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu về nhập kho đã bao gồm thuế GTGT 10% là 5.500.000đ

Nợ TK 152: 5.000.000

Nợ TK 1331: 500.000

Có TK 331: 5.500.000

2/ Xuất kho NVL sử dụng cho bộ phận trực tiếp sản xuất là 150.000.000đ, bộ phận phục vụ sản xuất là 20.000.000đ, bộ phận bán hàng là 5.000.000đ, bộ phận quản lý DN là 3.000.000đ

Nợ TK 621: 150.000.000

Nợ TK 627: 20.000.000

Nợ TK 641: 5.000.000

Nợ TK 642: 3.000.000

Có TK 152: 178.000.000

3/ Tính lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 80.000.000đ, nhân viên quản lý phân xưởng là 10.000.000đ, bộ phận bán hàng là 20.000.000đ, bộ phận quản lý DN là 30.000.000đ

Nợ TK 622: 80.000.000

Nợ TK 627: 10.000.000

Nợ TK 641: 20.000.000

Nợ TK 642: 30.000.000

Có TK 334: 140.000.000

4/ Trích BHXH, BHYT, CPCĐ, BHTN theo tỷ lệ quy định

Nợ TK 622:  $80.000.000 * 23,5\% = 18.800.000$

Nợ TK 627:  $10.000.000 * 23,5\% = 2.350.000$

Nợ TK 641:  $20.000.000 * 23,5\% = 4.700.000$

Nợ TK 642:  $30.000.000 * 23,5\% = 7.050.000$

Nợ TK 334:  $140.000.000 * 10,5\% = 14.700.000$

Có TK 3382:  $140.000.000 * 2\% = 2.800.000$

Có TK 3383:  $140.000.000 * 25,5\% = 35.700.000$

Có TK 3384:  $140.000.000 * 4,5\% = 6.300.000$

Có TK 3386:  $140.000.000 * 2\% = 2.800.000$

5/ Xuất kho công cụ dụng cụ sử dụng cho bộ phận sản xuất là 1.700.000đ, bộ phận quản lý DN là 2.000.000đ, bộ phận bán hàng là 3.000.000đ

Nợ TK 627: 1.700.000

Nợ TK 641: 3.000.000

Nợ TK 642: 2.000.000

Có TK 153: 6.700.000

6/ Nhận được hóa đơn tiền điện, tiền nước thanh toán hết bằng tiền mặt

Nợ TK 627: 5.000.000

Nợ TK 641: 3.000.000

Nợ TK 642: 1.000.000

Có TK 111: 9.000.000

7/ Trong kỳ bộ phận sản xuất hoàn thành nhập kho 10.000 sản phẩm A. Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ là 2.400.000đ

Nợ TK 154: 287.850.000

Có TK 621: 150.000.000

Có TK 622: 98.800.000

Có TK 627: 39.050.000

--> Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành:  $10.000.000 + 287.850.000 - 2.400.000 = 295.450.000$

--> Giá thành đơn vị 1 sản phẩm hoàn thành:  $295.450.000 : 10.000.000 = 29.545$

Nhập kho sản phẩm hoàn thành:

Nợ TK 155: 295.450.000

Có TK 154: 295.450.000

8/ Xuất kho 800 sản phẩm đi tiêu thụ trực tiếp, đơn giá bán 50.000đ/sản phẩm, thuế GTGT 10%, khách hàng chưa thanh toán

Doanh thu:

Nợ TK 131: 44.000.000

Có TK 5111:  $800 * 50.000 = 40.000.000$

Có TK 3331: 4.000.000

Giá vốn:

Nợ TK 632: 23.636.000

Có TK 155:  $800 * 29.545 = 23.636.000$

9/ Nhận được Giấy báo Có của ngân hàng do khách hàng thanh toán lô hàng ở nghiệp vụ 8

Nợ TK 112: 44.000.000

Có TK 131: 44.000.000

10/ Xuất kho 100 sản phẩm gửi đi bán, giá bán gồm 10% thuế GTGT là 61.500đ

Nợ TK 157: 2.954.500

Có TK 155:  $100 * 29.545 = 2.954.500$

## Bài số 2:

Tại 1 DN thương mại trong kỳ có tài liệu liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán ghi nhận như sau:

1. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt: 50.000.000đ.

2. Nhập kho 4.000 sản phẩm A, giá mua 150.000đ/sp, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho người bán.
3. Xuất hàng A để bán cho khách hàng M với số lượng 4.200 sp, giá bán 210.000đ/sp, thuế GTGT 10%, khách hàng chưa thanh toán. Biết rằng, số lượng hàng A tồn đầu kỳ là 2.000 sp, tổng trị giá 280.000.000đ. DN tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. Chi phí vận chuyển hàng tiêu thụ thanh toán bằng tiền mặt 4.000.000đ.
4. Ngân hàng báo Nợ 400.000.000đ về khoản thanh toán ở nghiệp vụ 2, số còn lại thanh toán bằng tiền mặt.
5. Xuất kho 1000 sp A gửi đi bán, giá bán 250.000đ/sp, thuế GTGT 10%.
6. Xuất CCDC sử dụng cho bộ phận bán hàng 12.000.000đ, bộ phận quản lý DN 8.000.000đ.
7. Khách hàng M thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản.
8. Chi phí bán hàng phát sinh bao gồm tiền lương nhân viên 18.000.000đ, khấu hao TSCĐ 12.000.000đ, tiền điện, điện thoại phải trả bao gồm cả thuế GTGT 10% là 13.200.000đ. Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm là 12.100.000đ, trong đó thuế GTGT 10%.
9. Chi phí quản lý DN phát sinh bao gồm: tiền lương nhân viên 15.000.000đ, khấu hao TSCĐ 8.000.000đ, tiền điện, điện thoại phải trả bao gồm cả thuế GTGT 10% là 6.600.000đ. Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm gồm cả thuế 10% là 4.620.000đ.
10. Kết chuyển các khoản để xác định kết quả kinh doanh.

### Lời giải

1/ Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt: 50.000.000đ

Nợ TK 111: 50.000.000

Có TK 112: 50.000.000

2/ Nhập kho 4.000 sản phẩm A, giá mua 150.000đ/sp, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho người bán

Nợ TK 156:  $4.000 * 150.000 = 600.000.000$

Nợ TK 1331: 600.000

Có TK 331: 660.000.000

3/ Xuất hàng A để bán cho khách hàng M với số lượng 4.200 sp, giá bán 210.000đ/sp, thuế GTGT 10%, khách hàng chưa thanh toán. Biết rằng, số lượng hàng A tồn đầu kỳ là 2.000 sp, tổng trị giá 280.000.000đ. DN tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước

Doanh thu:

Nợ TK 131: 970.200.000

Có TK 5111:  $4.200 * 210.000 = 882.000.000$

Có TK 3331: 88.200.000

Giá vốn:

Nợ TK 632: 610.000.000

Có TK 156:  $280.000.000 + 2.200 * 150.000 = 610.000.000$

Chi phí vận chuyển hàng tiêu thụ thanh toán bằng tiền mặt 4.000.000đ:

Nợ TK 641: 4.000.000

Có TK 111: 4.000.000

4/ Ngân hàng báo Nợ 400.000.000đ về khoản thanh toán ở nghiệp vụ 2, số còn lại thanh toán bằng tiền mặt

Nợ TK 331: 660.000.000

Có TK 112: 400.000.000

Có TK 111: 260.000.000

5/ Xuất kho 1000 sp A gửi đi bán, giá bán 250.000đ/sp, thuế GTGT 10%

Nợ TK 157:  $1.000 * 150.000 = 150.000.000$

Có TK 156: 150.000.000

6/ Xuất CCDC sử dụng cho bộ phận bán hàng 12.000.000đ, bộ phận quản lý DN 8.000.000đ

Nợ TK 641: 12.000.000

Nợ TK 642: 8.000.000

Có TK 153: 20.000.000

7/ Khách hàng M thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản

Nợ TK 112: 970.200.000

Có TK 131: 970.200.000

8/ Chi phí bán hàng phát sinh bao gồm tiền lương nhân viên 18.000.000đ

Nợ TK 641: 18.000.000

Có TK 334: 18.000.000

Khấu hao TSCĐ 12.000.000đ:

Nợ TK 641: 12.000.000

Có TK 214: 12.000.000

Tiền điện, điện thoại phải trả bao gồm cả thuế GTGT 10% là 13.200.000đ:

Nợ TK 641: 12.000.000

Nợ TK 1331: 1.200.000

Có TK 331: 13.200.000

Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm là 12.100.000, trong đó thuế GTGT 10%:

Nợ TK 641: 11.000.000

Nợ TK 1331: 1.100.000

Có TK 111: 12.100.000

9/ Chi phí quản lý DN phát sinh bao gồm: tiền lương nhân viên 15.000.000đ

Nợ TK 642: 15.000.000

Có TK 334: 15.000.000

Khấu hao TSCĐ 8.000.000đ:

Nợ TK 642: 8.000.000

Có TK 214: 8.000.000

Tiền điện, điện thoại phải trả bao gồm cả thuế GTGT 10% là 6.600.000đ:

Nợ TK 642: 6.000.000

Nợ TK 1331: 600.000

Có TK 111: 6.600.000

Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm gồm cả thuế 10% là 4.620.000đ:

Nợ TK 642: 4.200.000

Nợ TK 1331: 420.000

Có TK 111: 4.620.000

10/ Kết chuyển các khoản để xác định kết quả kinh doanh

10-1/ Kết chuyển doanh thu:

Nợ TK 511: 882.000.000

Có TK 911: 882.000.000

10-2/ Kết chuyển chi phí:

Nợ TK 911: 720.200.000

Có TK 632: 610.000.000

Có TK 641: 69.000.000

Có TK 642: 41.200.000

10-3/ Xác định lợi nhuận

Doanh nghiệp lãi:  $882.000.000 - 720.200.000 = 161.800.000$

10-4/ Xác định thuế TNDN phải nộp

Nợ TK 821:  $161.800.000 * 20\% = 32.360.000$

Có TK 3334: 32.360.000

10-5/ Kết chuyển lãi

Nợ TK 911: 161.800.000

Có TK 821: 32.360.000

Có TK 421: 129.440.000